TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 01/2020/HNGĐ- ST
Ngày 28-02-2020
V/v ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Bà Bùi Bích Thủy

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18-02-2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Chu Thị B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn K, xã K, Huyện L- Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Vũ Tiến L, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã K, Huyện L- Yên Bái.

Tạm trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 02 năm 2020 chị Chu Thị B trình bày: Chị B và anh Vũ Tiến L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006. Có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L hay rượu chè. Anh L không chăm lo gia đình, ngoài ra anh L còn có bạo lực gia đình. Đến năm 2015 chị B và anh L không còn chung

sống với nhau nữa. Nay chị B xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị B và anh Vũ Tiến L có ba con chung, tên là Chu Thị Kim C, sinh ngày 15-12-2006, cháu Chu Thị L, sinh ngày 15-03-2009 và cháu Chu Văn N, sinh ngày 23-7-2014. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11-02-2020 anh Vũ Tiến L trình bày: Anh L và chị Chu Thị B được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế nên không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến đầu năm 2016 anh L đã sống ly thân với chị B. Nay anh L xác định tình cảm không còn chị B xin ly hôn anh L đồng ý.

Về con chung: Anh L và chị B có ba con chung: Cháu lớn tên là Chu Thị Kim C, sinh ngày 15-12-2006, cháu thứ hai tên là Chu Thị L, sinh ngày 15-3-2009 và cháu Chu Văn N, sinh ngày 23-7-2014, các cháu ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 18-02-2020 các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử tuyên bố chị Chu Thị B và anh Vũ Tiến L không phải là vợ chồng; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; chị B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a

Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Chu Thị B và anh Vũ Tiến L có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị B có yêu cầu xin ly hôn anh L, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc chị B và anh L có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tuyên bố chị B và anh L không phải là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Chị B và anh L có ba con chung, tên là Chu Thị Kim C, sinh ngày 15-12-2006, cháu Chu Thị L, sinh ngày 15-03-2009 và cháu Chu Văn N, sinh ngày 23-7-2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị B và anh L thỏa thuận chị B trực tiếp nuôi ba con chung là cháu C, cháu L và cháu N, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của chị B và anh L không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con. Được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị B và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{6} *Về án phí*: Chị Chu Thị B thuộc diện hộ nghèo theo quy định của chính phủ nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Tuyên bố chị Chu Thị B và anh Vũ Tiến L không phải là vợ chồng.

2- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Chu Thị B trực tiếp nuôi ba cháu Chu Thị Kim C, sinh ngày 15-12-2006, cháu Chu Thị L, sinh ngày 15-03-2009 và cháu Chu Văn N, sinh ngày 23-7-2014, anh Vũ Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Chu Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4- Quyền kháng cáo: Chị Chu Thị B, anh Vũ Tiến L được quyền khánh cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS L;
- CCTHA L;
-UBND xã K,
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh